

Tập 185

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm tám mươi tư:

(Diễn) Tư tận hoàn nguyên giả, tức sở vị thể cứu chi cực, u tự bản tâm, hốt nhiên khế hợp dã.

(演) 思盡還源者，即所謂體究之極，於自本心忽然契合也。

(Diễn: “Đã hết suy nghĩ bèn trở về nguồn” chính là nói suy xét, thấu hiểu đến tận cùng, bỗng khế hợp bản tâm của chính mình).

Đây là công phu khá sâu! Tất cả các tông phái và pháp môn trong Phật môn đều chẳng lia khỏi nguyên tắc này. “Hoàn nguyên” (Trở về nguồn): Nguyên (源) là cội nguồn, là Chân Như bản tánh. Bọn phàm phu chúng ta, Nhị Thừa, và Quyền Giáo Bồ Tát chưa thể kiến tánh, nguyên nhân căn bản là vì có Tư, có Tư là có vọng tưởng. “Tư tận” là đoạn sạch vọng tưởng. Đoạn sạch vọng tưởng thì mới có thể minh tâm kiến tánh.

Nhìn bề ngoài, Giáo Hạ sử dụng phương pháp chẳng giống Tông Môn. Tông Môn chú trọng tham cứu, thường nói là “*chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người*”, dạy quý vị buông xuống hết thầy vọng niệm. Dùng phương pháp ấy xác thực là người căn tánh rất nhạy bén. “*Căn tánh nhạy bén*” chẳng phải là nói tới những kẻ rất thông minh trong thế gian. Kẻ rất thông minh là Thế Trí Biện Thông, chưa chắc họ đã là căn tánh rất nhạy bén. Nếu người ấy thật sự có thể buông xuống, căn tánh ấy rất nhạy bén, mới có thể dùng phương pháp này để khế nhập. Nếu vọng niệm nhiều, nay chúng ta nói vọng niệm nhiều là “suy nghĩ nhiều quá”, kẻ ấy suy Đông nghĩ Tây, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn cào cào. Căn tánh như vậy chẳng thích hợp để tham Thiền, mà thích hợp để nghiên cứu Giáo. Nghiên cứu Giáo, chư vị phải biết, thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài chẳng dạy: “*Mỗi học trò, bất luận là tại gia hay xuất gia, phải nghiên cứu hết thầy các kinh điển do đức Phật đã giảng*”. Chẳng có chuyện ấy! Thuở ấy, đức Phật giảng kinh trọn chẳng có kế hoạch giảng giải từ cạn đến sâu, thực hiện theo từng bước, chẳng có! Đức Phật trọn chẳng có kế hoạch giáo học, hoàn toàn chẳng có thứ tự và trình tự giáo học, mà là kẻ như thế nào đến [thưa hỏi], Ngài bèn dùng phương pháp nào [thích hợp với căn tánh của người ấy] để dạy. Phương pháp của Ngài là “*ứng cơ thí giáo*” (tương ứng với căn cơ mà giảng dạy), tùy theo tài năng của họ mà dạy bảo. Vì thế,

người gặp đức Phật, hướng về đức Phật thỉnh giáo, đức Phật dạy người ấy một pháp môn, người ấy bèn dụng công đến cùng nơi pháp môn ấy. Nói cách khác, học trò đức Phật ai nấy đều là thâm nhập một môn, trọn chẳng phải là hết thầy các pháp môn đều thông đạt, chẳng có chuyện ấy! Vì sao? Chỉ có thâm nhập một môn thì mới có thể làm được “*tư tận hoàn nguyên*”, mới có thể kiến tánh. “*Tư*” (思) là trao cho quý vị một phạm vi, để cho quý vị tư duy trong phạm vi ấy, khi đã tư duy đến mức chẳng còn có thể tư duy được nữa, bèn kiến tánh. Hết thầy các kinh điển quý vị đều nghiên cứu, đều suy nghĩ, dò lường, thôi rồi! Chắc chắn là chẳng thể thành tựu trong một đời này! Chúng ta nhất định phải biết nguyên tắc này!

Tại Trung Hoa, từ xưa tới nay, mỗi tự viện từng lâm đều có học phong và đạo phong duy nhất, đặc biệt, tức là tôn sùng mấy bộ kinh luận nào đó. Tông Hoa Nghiêm lấy kinh Hoa Nghiêm làm chủ, dùng các kinh luận có quan hệ mật thiết với kinh Hoa Nghiêm để phụ trợ. Mỗi tông phái luôn lấy một bộ kinh hoặc luận làm chủ. Tông phái có kinh luận [dùng làm căn cứ lập luận chủ yếu] nhiều nhất là Pháp Tướng Duy Thức Tông, gồm có sáu bộ kinh và mười một bộ luận. Tịnh Độ Tông từ xưa tới nay chỉ có ba kinh một luận, luận là Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát soạn, cho đến hiện thời, vì được các vị tổ sư đại đức bổ sung, nên mới có năm kinh một luận.

Chữ Tư ở đây có phải là suy xét hoặc nghiên cứu hay không? Chẳng phải! Nếu dùng suy xét hoặc nghiên cứu, sẽ hoàn toàn rơi vào thức thứ sáu, tức ý thức. Dùng thức thứ sáu, tức ý thức, để tu hành, cao nhất là chỉ có thể đắc Cửu Thứ Độ Định, chứng quả A La Hán, chẳng thể kiến tánh. Cũng có nghĩa là chúng ta dùng thức thứ sáu, tức tâm ý thức, để niệm Phật, có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn, đó là cao nhất, chứ Lý nhất tâm bất loạn sẽ chẳng thể đạt được. Vì thế, Tư ở đây là Tư Huệ trong sự tu học của Bồ Tát, [dùng Tư Huệ trong] Tam Huệ Văn, Tư, Tu thì mới có thể hoàn nguyên.

Chúng ta nhất định phải biết ý nghĩa chân thật của Tư Huệ, nó chẳng phải là dùng suy xét, mà dùng gì? Thể cứu (體究: Tham cứu đến mức thấu hiểu tận cùng). Thể (體) là thấu hiểu, hết sức thân thiết. Nghiên cứu, suy xét là thức thứ sáu, còn thấu hiểu, thể cứu sử dụng Chân Như bản tánh, tức là dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Chân tâm ly niệm, nên nó là trực giác. Cũng có nghĩa là: Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, đó là Tư. Hoàn toàn chẳng thông qua suy xét, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ. Từ ý nghĩa tiếp xúc mà gọi là Văn Huệ. Từ ý nghĩa hiểu rõ mà gọi là Tư Huệ. Từ ý nghĩa phá

mê mà gọi là Tu Huệ. Có thể thấy tiếp xúc, hiểu rõ, chẳng mê, là cùng một chuyện. Tam Huệ được hoàn thành cùng một lúc, trọn chẳng có thứ tự, chẳng phải là trước hết là Văn, sau đấy lại Tư, kế đó là Tu. Chẳng phải vậy! Nếu theo thứ tự, sẽ là Nhị Thừa và Quyền Giáo Bồ Tát đều có, chẳng thể nói là chỉ riêng Bồ Tát mới có Tam Huệ. Tam Huệ được hoàn thành cùng một lúc, chẳng có thứ tự, ở đây là nói tới bậc đại Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh, chứ kẻ bình phàm chẳng có [Tam Huệ hoàn thành cùng một lúc]!

Chúng ta xem câu này vận dụng như thế nào vào công phu tu hành của bản thân chúng ta, điều này rất trọng yếu. Phải sử dụng như thế nào? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường khuyến khích các đồng tu niệm kinh, niệm kinh là tu học Tam Huệ của Bồ Tát. Chúng ta mắt nhìn kinh bản, tiếp xúc, là Văn Huệ. Sau khi đã tiếp xúc, bèn chuyên tâm đọc tụng, không khởi vọng tưởng, đó là Tư Huệ. Niệm kinh văn rành mạch rõ ràng, đó là Tu Huệ. Chẳng cần tìm cầu trong kinh có những ý nghĩa gì, chỉ một mực niệm, phương pháp này là Văn - Tư - Tu Tam Huệ hoàn thành cùng một lúc. Niệm kinh là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, Tam Học và Tam Huệ đều hoàn thành cùng một lúc.

Đáng tiếc là hiện thời quý vị chẳng hoàn nguyên; chẳng hoàn nguyên thì Tư vẫn chưa hết. Khi nào quý vị hết sạch ý niệm, hết sạch chính là vô niệm. Vô niệm, vô bất niệm! Niệm đã không còn, vô niệm cũng không còn. Vô niệm, vô bất niệm chính là hoàn nguyên. Tôi lại thưa cùng quý vị, quý vị đã đạt được vô niệm, nói theo tiêu chuẩn của chúng ta, sẽ là Sự nhất tâm bất loạn. Quý vị đắc Niệm Phật tam-muội, vô niệm là Định. Chẳng có niệm thì vô niệm cũng chẳng có, đó là Huệ, là hoàn nguyên, tức là Lý nhất tâm bất loạn, đấy mới là “*tu tận hoàn nguyên*”. “*U tạt bốn tâm*” (Đối với bốn tâm): Bốn tâm là chân tâm, là bản tánh, tức là Chân Như bản tánh của quý vị. “*Hốt nhiên khế hợp*” (Bỗng khế hợp), nhà Thiền nói là minh tâm kiến tánh, [“*hốt nhiên khế hợp*” là] bỗng kiến tánh. Kiến tánh là như thế nào? Tôi lại nói cho quý vị biết, tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất hay, chính là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Quý vị phải hiểu người kiến tánh là như thế nào? Người kiến tánh tâm tuyệt đối thanh tịnh, tuyệt đối bình đẳng, giác chứ không mê, người ấy đã kiến tánh. Kiến tánh thành Phật, người ấy bèn thành Phật. Tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ quá hay, nguyên lý và mục tiêu tu học, phương pháp tu hành và cảnh giới đều được nêu bày trong tựa đề kinh. Vì thế, năm chữ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là mục tiêu dụng công của chúng ta. “*Tu tận hoàn nguyên*” là nghĩ mà không có gì để nghĩ.

(Diễn) Tư vô sở tư giả, tức niệm nhi vô niệm, thị ly niệm cảnh giới, sở vị viễn ly vi tế niệm cố. Đắc kiến tâm tánh, tâm tức thường trụ dã. Hựu phục thử tức bất tư chi tư, thị nhậm vận thanh tịnh chi ý, cố Phật quả đệ thất, diệc danh vi Ý.

(演) 思無所思者，即念而無念，是離念境界，所謂遠離微細念故。得見心性，心即常住也。又復此即不思之思，是任運清淨之意，故佛果第七，亦名為意。

(Diễn: “Nghĩ mà không có gì để nghĩ” chính là niệm mà vô niệm, là cảnh giới ly niệm, tức là xa lìa niệm vi tế. Được thấy tâm tánh, tâm chính là thường trụ. Điều này lại còn là chẳng nghĩ mà nghĩ, ý mặc lòng thanh tịnh, nên trong Phật quả, thức thứ bảy cũng gọi là Ý).

Sau khi “*tư tận hoàn nguyên*”, bèn là “*niệm mà vô niệm*”. Niệm và vô niệm là một, chẳng hai. Nay chúng ta trước khi đạt đến cảnh giới ấy, là phàm phu, đương nhiên Nhị Thừa và Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, niệm và vô niệm là hai, chẳng phải là một; sanh và vô sanh cũng là hai, chẳng phải là một; phiền não và Bồ Đề là hai, chẳng phải là một; sanh tử và Niết Bàn cũng là hai, chẳng phải là một. Nhà Thiền nói toàn bộ đều rớt vào hai, ba, đó là mê, là bất giác. Nếu thật sự khế hợp chân tánh, thừa cùng chư vị, vạn pháp quy nhất. “*Nhất*” thì mới thanh tịnh, mới bình đẳng; là Nhị thì lấy đâu ra bình đẳng? Rớt vào Nhị là mê, Nhất mới là giác. Tông này (tức là tông Tịnh Độ) đặc biệt đề xướng “*nhất tâm bất loạn*”, Nhất là giác, là thanh tịnh, là bình đẳng. Phải như thế nào thì mới có thể đạt tới nhất tâm? Phải bỏ sạch hết thấy phân biệt, chấp trước, quý vị mới có thể đạt được. Trong kinh luận, đức Phật thường nói: Vì sao phàm phu chẳng thể thành tựu? Ngay trong Liễu Phàm Tứ Huán, thiền sư Trung Phong đã nói: “*Chấp tướng tu phước*”. Chấp tướng tu phước, sẽ đạt được phước báo trong tam giới lục đạo. Chấp tướng tu phước, niệm niệm đều là phân biệt, so đo, chẳng thể đạt đến tam luân thể không. Tam luân thể không, có tu phước hay không? Tu chứ! Tuy tu, nhưng cũng giống như chẳng tu, trong tâm sạch lâu lâu, chẳng nhiễm mảy trần, đó gọi là chân tu.

“*Tư tận hoàn nguyên, tư vô sở tư*” là cảnh giới Phật pháp rất cao, là cảnh giới của Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát hoặc Biệt Giáo Sơ Địa trở lên. Quý vị chứng đắc cảnh giới ấy, Tịnh Độ Tông gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Nhưng chỗ tốt đẹp lớn nhất của Tịnh Tông chẳng ở nơi Lý nhất tâm, vì nếu coi Lý nhất tâm là tiêu chuẩn, Tịnh Tông chẳng đáng coi là quý báu.

Vì sao? Những pháp môn khác cũng đều là tiêu chuẩn như vậy. Chỗ đáng quý nhất của Tịnh Tông là đời nghiệp vãng sanh! Chẳng đạt đến công phu ấy, một phẩm phiền não chẳng đoạn, người ấy vẫn có thể vãng sanh, đó là điểm đặc sắc của Tịnh Độ Tông, trong các tông phái và pháp môn khác chẳng có chuyện này! Chỉ có như thế thì pháp môn này mới có thể phổ độ hết thảy chúng sanh.

Câu này là “*ly niệm cảnh giới*”, “*niệm*” cũng là hữu niệm và vô niệm; ly hữu niệm, ly vô niệm, đó mới là thật sự ly niệm. Chỉ niệm “hữu niệm” chẳng được, niệm “hữu niệm” thì quý vị vẫn rơi vào “vô niệm”. Vô niệm cũng chẳng thể, cũng phải trừ bỏ vô niệm. “*Sở vị viễn ly vi tế niệm cố*” (Đó gọi là xa lìa niệm vi tế), như vậy thì mới có thể kiến tánh. Vi tế niệm là Trần Sa Hoặc. Bồ Tát đạt đến minh tâm kiến tánh là đã đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não cũng đoạn, lại phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, đó là “*đắc kiến tâm tánh*”, phá một phẩm vô minh thì mới có thể thấy tâm tánh. “*Tâm tức thường trụ*” (Tâm tức là thường trụ), khi ấy, tâm quý vị chẳng động, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động. Cái tâm giống như ta trong hiện thời thì không được, người ta khen ngợi một câu rất hoan hỷ, bị chửi một câu liền sanh phiền não, cấu kinh mây ngày liền, không được rồi! Tâm bị cảnh giới bên ngoài dao động. Người thật sự thấy tâm, tâm chẳng động, tuyệt đối sẽ chẳng bị ngoại cảnh lay động. Đạt đến cảnh giới này, tôi lại thưa cùng quý vị: Chẳng có vận mạng, Phong Thủy cũng chẳng có, thấy đều chẳng có, những thứ ấy toàn là pháp thế gian. Trong hết thảy các cảnh giới, quý vị không gì chẳng tự tại, đắc đại tự tại. Đây cũng là như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai*”; khi ấy, sẽ chuyển cảnh, chẳng phải là cảnh chuyển ta, mà là ta chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai.

Tiếp theo đó, lại là một cách giải thích từ ngữ “*tu vô sở tu*” là “*tức bất tu chi tu*” (nghĩ mà không nghĩ), người ấy có Tu hay không? Có Tu! Vì sao có Tu mà lại nói là người ấy chẳng tu? “*Tu*” là thức thứ bảy (Mạt Na Thức). Chẳng phải là Mạt Na khởi tác dụng thì là “*vô tu chi tu*”, tức là chân tánh khởi tác dụng. Chân tánh khởi tác dụng và tám thức, năm mươi một Tâm Sở khởi tác dụng, nhìn từ bên ngoài sẽ chẳng nhìn ra [sự khác biệt của hai loại tác dụng ấy], quý vị thấy chúng đều giống như nhau. Đức Phật cũng cười, cũng tức giận, cũng có lúc mắng người khác, cũng có lúc khen ngợi kẻ khác, Ngài có gì khác chúng ta? Nhìn từ bên ngoài, quý vị sẽ thấy thật sự chẳng khác gì, nhưng bên trong tuyệt đối khác hẳn! Phạm phu chúng ta là tâm và Tâm Sở khởi tác dụng, còn Phật là Chân Như bản tánh khởi tác dụng, cũng có nghĩa là Phật mừng, giận, buồn, vui,

thấy đều là thanh tịnh, thấy đều là bất nhiễm, thấy đều là bình đẳng, công phu của Ngài là như thế đấy. Đã là thanh tịnh, bình đẳng, bất nhiễm, vì sao có những thứ biểu lộ ấy? Những biểu lộ ấy đều nhằm độ chúng sanh, giống như diễn tuồng: Viết kịch bản, [tác giả quy định] đến đoạn này nhất định phải nổi nóng, quý vị không nổi nóng cũng không được, làm ra vẻ tức giận. Ngài đang biểu diễn trên sân khấu, chẳng phải là nội tâm [thật sự có cảm xúc ấy], mà là biểu diễn cho kẻ khác xem, nhằm khơi gợi người khác. Vì thế, đó là kỹ xảo độ chúng sanh. Đấy chính là “*nhậm vận thanh tịnh chi ý*” (ý mặc tình thanh tịnh). Trong bài kệ Khai Kinh có nói: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, Như Lai chân thật nghĩa là thanh tịnh ý, chẳng giống như chúng ta!

“*Cổ Phật quả đệ thất, diệc danh vi Ý*” (Vì thế, trong Phật quả, thức thứ bảy cũng gọi là Ý). Nơi quả địa Như Lai, trong Tướng Tông, thức thứ bảy là Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí. Bình Đẳng Tánh Trí là thức thứ bảy, tức Ý Căn, tức là Mạt Na Thức nơi quả địa Như Lai, có ý nghĩa này. Thật ra, cách nói phân biệt này đều vì phàm phu chúng ta. Bởi lẽ, từ Sơ Trụ trở lên sẽ chẳng phân biệt, quý vị còn nói với họ về những chuyện này, sẽ chẳng có mấy may ý nghĩa gì cả! Từ Sơ Địa trở lên, đúng là chẳng có cách nào giảng kinh, vì là vô công dụng đạo. Phàm là các ngôn thuyết, giảng giải, đều là vì những kẻ chưa đạt đến Sơ Trụ, [đối với bậc] đã kiến tánh thì còn có gì để nói nữa? Chẳng nói được gì! Khi đó, tu hành hoàn toàn là tùy ý mà tu. Những lời chú giải đã đều được giới thiệu cả rồi, chúng ta hãy đem những phần kinh văn trên đây gộp lại để đọc một lượt.

(Sao) Trù lượng danh ý. Thế nhân khởi u ý thức, niệm niệm trừ ngoại trừ lượng, thị tà tư duy dã.

(鈔) 籌量名意，世人起於意識，念念逐外籌量，是邪思惟也。

(Sao: Trù tính, suy lường gọi là Ý. Người đời dấy lên ý thức, niệm niệm trừ tính, suy lường theo bên ngoài, đó là tà tư duy).

Không chỉ là lục đạo phàm phu, trên thực tế là kẻ cả Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát, thấy đều dùng tám thức, năm mươi một Tâm Sở. Nói cách khác, tri kiến bất chánh, thuộc loại tà tư duy.

(Sao) Toàn kỳ ý thức, khấu kỷ nhi tham.

(鈔) 旋其意識，扣己而參。

(Sao: Xoay lại ý thức, tham cứu chính mình).

“Toàn” (旋) là quay đầu. Lục căn của ta chẳng duyên theo sáu trần bên ngoài, quay về duyên theo sáu tánh. Mắt thấy sắc tánh, tai nghe thanh tánh, cho đến ý biết pháp tánh. Sáu trần biến thành sáu tánh, Trần (塵) là ô nhiễm, tánh là thanh tịnh, bất nhiễm, đó là công phu tối thượng thừa. Chư vị hiểu điều này có quan hệ quá lớn đối với Tịnh Độ, Tịnh Độ là “tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh”, dùng phương pháp này để tu học.

“Toàn kỳ ý thức” (Xoay lại ý thức), cách xoay chuyển như thế nào? Chúng ta biết trong kinh, đức Phật đã bảo A Lại Da Thức là lưu lại ấn tượng. Ấn tượng được lưu lại trong ấy giống như một cái kho tài liệu, hoặc một kho chứa, thâm thập trọn hết, nó có tác dụng “tập khởi”. Nếu chúng ta không lưu lại ấn tượng, tuyệt lắm! Sẽ là Phật và các vị đại Bồ Tát, [vì] chẳng có tài liệu cho quý vị ghi chép, bảo tồn. Chỉ cần có tài liệu được ghi chép, bảo tồn, sẽ còn có quả báo. Chúng tử thiện nhất định có thiện báo, chúng tử ác nhất định có ác báo, thiện ác báo ứng chẳng sai suyền mảy may, quý vị có thể trốn được hay sao? Chẳng trốn khỏi! Vì sao? Đã ghi lại ấn tượng. Thấy sắc, nghe tiếng đều lưu lại ấn tượng, toàn bộ đều có ghi chép. Sự ghi chép này là ghi chép tự nhiên, chẳng phải do ai khác ghi chép cho quý vị, [mà là] hễ khởi tâm động niệm, đều có ấn tượng trong A Lại Da Thức, đó là tác dụng của A Lại Da. Tác dụng của Mạt Na là chấp trước. Tác dụng của thức thứ sáu, tức ý thức, là phân biệt. Năm thức trước là liễu biệt, là hiểu rõ. Ví như chúng ta mắt thấy bên ngoài rõ ràng, rành mạch, có phân biệt hay không? Chẳng phân biệt. Ai phân biệt? Thức thứ sáu, tức ý thức, phân biệt. Nếu chúng ta chẳng dùng thức thứ sáu, tức ý thức, chúng ta thường nói là “không chú ý”. Không chú ý nhìn thì tuy là nhìn như thế đó, dấu nhìn, nhưng chẳng thấy rõ ràng, vì chẳng chú ý mà! Danh từ “chú ý” xuất phát từ Phật giáo, [chú ý là] dồn thức thứ sáu, tức ý thức vào đó, mắt liền trông thấy rõ ràng. Nhĩ Thức chuyên chú, bèn nghe rõ ràng. Nếu chẳng chú ý, sẽ là thấy mà như không thấy, nghe mà như không nghe, vì sao? Ý thức chẳng sử dụng vào nơi đó.

Trước kia, khi tôi mới học Phật, còn chưa xuất gia, tôi sống ở Bắc Đầu¹. Pháp sư Diễn Bồi giảng kinh ở chùa Thiện Đạo, khi đó Ngài là Trụ

¹ Bắc Đầu (北投) là khu hành chính thuộc cực Bắc thành phố Đài Bắc, nổi danh với suối nước nóng Bắc Đầu. Thoạt đầu, khu này là nơi ở của dân thiểu số Bình Phố. Đến thời Khang Hy, người Hán mới đến cư trú tại đây. Mãi đến năm 1920, chính quyền mới thiết lập đường sá và trở thành một khu vực thịnh vượng. Trong khi đó, chùa Thiện Đạo nằm ở trên đường Trung Hiếu, thuộc khu Trung Chánh (gần về cực Nam

Trì. Buổi tối, nghe kinh xong, tôi đều ngồi xe lửa trở về. Chờ xe ở trạm xe lửa, có lúc tôi vừa chờ xe, vừa xem sách. Khi xem sách, xe lửa đến rồi đi cũng chẳng biết, [trong lòng cứ thắc mắc] sao lâu thế mà xe lửa chưa đến? Nhìn thời gian thì đã qua mấy lượt xe rồi! Phía sau chỗ ngồi chính là đường xe lửa, xe đến xe đi âm thanh ầm ĩ dường ấy, do chỉ chú ý đọc sách, quên hẳn cả xe, chẳng chú ý đến. Vì thế, thuật ngữ “chú ý” xuất phát từ kinh Phật. Trong cuộc sống hằng ngày, rất nhiều thuật ngữ phát xuất từ kinh Phật, quý vị mới biết Phật pháp có quan hệ to cỡ nào đối với cuộc sống và văn hóa của chúng ta!

Quay ý thức lại như thế nào? Ta chẳng phân biệt, không chấp trước. Ta thấy rất rõ ràng, nhưng chẳng phân biệt; nghe rất rõ ràng, nhưng chẳng chấp trước, đó là quay lại. Trong cảnh giới, quý vị vẫn phân biệt, vẫn chấp trước, liền đi theo cảnh giới. Trong hết thấy các cảnh giới, quý vị hiểu rõ ràng, rành mạch, đó là Huệ. Chẳng có phân biệt, chấp trước là Định. Định Huệ đồng trì (Định và Huệ giữ cân bằng), cách tu là như vậy, chẳng phải là tu Định thì cứ nhất định phải là ngồi xếp bằng nhìn vào vách, Định kiểu ấy vô ích! “*Định Huệ đồng trì*” là Định và Huệ tu học đồng thời, ở nơi đâu? Trong cuộc sống hằng ngày, trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Không lúc nào, không chỗ nào chẳng phải là lúc tu Định Huệ, [không nơi đâu] chẳng phải là nơi chốn để tu Định Huệ. Đạo tràng ở chỗ nào? Chẳng có

của Đài Bắc). Chùa Thiện Đạo vốn có tên là Tịnh Độ Tông Đài Bắc Biệt Viện, được thành lập vào thời Nhật chiếm đóng Đài Loan (nhằm năm Minh Trị Thiên Hoàng thứ hai mươi lăm, tức năm 1895), trực thuộc Tịnh Độ Tông Tri Ân Viện (Jōdo-shū Chion-in) của Nhật Bản, có vai trò quản trị toàn bộ các hệ thống chùa miếu thuộc hệ thống Tịnh Độ Tông Nhật Bản tại Đài Loan. Năm Chiêu Hòa Nguyên Niên (1926), do các vật liệu xây dựng đã cũ, bèn dời đến địa điểm mới tại Hoa Sơn Đình, xây dựng hoàn toàn mới (vì thế, tài liệu của sở du lịch Đài Loan nói chùa Thiện Đạo được xây dựng vào năm 1926, tức là đã hoàn toàn bỏ qua giai đoạn chùa được dùng làm tổng bản sở bố giáo của Tịnh Độ Tông Nhật Bản tại Đài Loan). Năm 1937, chùa được xây cất lại bằng vật liệu bê tông cốt sắt giả gỗ. Năm 1945, Nhật chiến bại phải rút khỏi Đài Loan, chánh quyền Trung Hoa Dân Quốc giao cho ông Lý Tử Khoan tiếp quản vào năm 1948. Lý Tử Khoan đã mời các vị Đại Tịnh, Chương Gia, Nam Đình, Ân Thuận lần lượt làm Đương Gia Sư từ năm 1948 đến năm 1957. Năm 1967, pháp sư Diễn Bồi được mời làm Trụ Trì từ năm 1957. Do là một ngôi chùa lớn, giàu có, thành phần đồng sự toàn là nhân vật tai to mặt lớn trong chính quyền, nhân sự phức tạp, lắm chuyện bè phái tranh chấp, giám viện sư chuyên quyền, pháp sư Diễn Bồi đành gắng gượng làm Trụ Trì ba năm rồi kiên quyết từ nhiệm. Các vị đại cư sĩ khản thỉnh Ngài lưu lại, thậm chí lão cư sĩ Hằng Dịch Triệu Di Niên đã tám mươi mấy tuổi đắp y đánh lễ, khóc ròng van nài, nhưng thấy tình thế không thể nào giải quyết được, pháp sư Diễn Bồi kiên quyết thoái lui.

chỗ nào không phải là đạo tràng. Phải tu Định, tu Huệ ngay trong cuộc sống. Định là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Chuyển thức thành trí, thức thứ sáu và thức bảy chuyển nơi nhân, A Lại Da và năm thức trước được chuyển nơi quả, chẳng cần phải chú ý những thức ấy, chỉ chú ý nơi thức thức sáu và thức thức bảy. “*Toàn kỳ ý thức*” (Xoay ý thức lại) là nói đến thức thức bảy và thức thức sáu. Thật sự biết xoay về thì trong hết thấy các pháp sẽ chẳng phân biệt, không chấp trước, chắc chắn có lợi ích cho chính mình, chắc chắn có thành tựu. Hết thấy phân biệt và chấp trước hư vọng nhất định có hại cho chính mình, quyết định sẽ chẳng thành tựu. Đối với người khác, sự lợi hại rất nhỏ ít, đối với chính mình lợi hại quá to. Hãy nghiêm túc tham học câu “*khấu kỷ nhi tham*” (tham cứu chính mình).

(Sao) Tư chi hựu tư, tư tận hoàn nguyên, tư vô sở tư.

(鈔)思之又思，思盡還源，思無所思。

(Sao: Suy đi nghĩ lại, suy nghĩ đến hết còn suy nghĩ sẽ trở về nguồn, suy nghĩ mà không có gì để suy nghĩ).

Đây là nói tới công phu thành tựu. Tôi nói cho quý vị biết: Từ “*toàn kỳ ý thức*” cho đến “*tư tận hoàn nguyên*” cũng là từ lúc mới bắt đầu tu tập cho đến khi công phu thành tựu, chẳng thể lìa khỏi nguyên tắc này. Nếu chư vị muốn thật sự có thành tựu, nay chúng ta dùng một bộ kinh Di Đà, hoặc một bộ kinh Vô Lượng Thọ, chắc chắn có thể đắc nhất tâm bất loạn, nhất định có thể minh tâm kiến tánh, quyết định có thể thành Phật, làm Tổ, chỉ cần quý vị bỏ hết vọng tâm. Ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm một bộ kinh này, niệm một câu A Di Đà Phật, tâm ta đặt chết cứng ở nơi này, hết thấy các vọng niệm khác đều buông xuống, thấy đều chẳng có, thứ gì cũng chẳng cần. Không chỉ là pháp thế gian ta chẳng còn nghĩ đến, chẳng còn phân biệt, chấp trước; mà vô lượng pháp môn xuất thế gian, ta cũng chẳng nghĩ tới, cũng chẳng chấp trước, triệt để buông xuống. Cổ nhân nói “*chân hiết liễu*” (thật sự nghỉ ngơi), Hiết (歇) là trừ bỏ, thật sự bỏ sạch. Mỗi ngày niệm bộ kinh này chính là tham cứu chính mình, mỗi ngày niệm câu Phật hiệu cũng là tham cứu chính mình, một mực vận dụng công phu. “*Khấu kỷ nhi tham, tư chi hựu tư*” trong tông này chính là thật thà niệm Phật; công phu tự nhiên thành tựu, chẳng có mảy may miễn cưỡng! Đó là “*tư tận hoàn nguyên, tư vô sở tư*”. Từ Sự nhất tâm chúng đắc Lý nhất tâm, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là thượng phẩm vãng sanh.

(Sao) Toàn thân tức thọ, tức quang, hà luận bỉ Phật, thử Phật?

(鈔)全身即壽即光，何論彼佛此佛。

(Sao: Toàn thân tức là thọ, là quang, còn luận định vị Phật này, vị Phật kia chi nữa).

“*Bỉ Phật*” là A Di Đà Phật. “*Thử Phật*”, nói thật ra, chẳng phải nói tới Thích Ca Mâu Ni Phật, mà là nói về chính mình. Vì sao? Tự và Tha chẳng hai! Tự và Tha là một, chẳng hai, là một Phật, chẳng phải là hai Phật, há có lẽ nào chẳng thành Phật? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp A Di Đà Phật, chính quý vị đích thân thành Phật, quý vị thành một vị Phật chẳng hai, chẳng khác A Di Đà Phật, công phu thật sự là đạt đến chỗ này. Thông thường, chúng ta phải đặc biệt chú ý, chớ nên suy nghĩ loạn xạ. Đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp tới nay, chúng ta phải sanh tử luân hồi, do nguyên nhân nào? Vì thích suy nghĩ loạn xạ! Từ nay trở đi, chúng ta đã tìm được gốc bệnh, trị liệu đúng vào căn bản, dốc hết tất cả tâm lực tinh thần vào kinh, dùng phương pháp này. Kinh điển cũng đừng học quá nhiều, tuân thủ trong một phạm vi nhỏ, chuyên tinh là “*tư chi hựu tư*”, học trong phạm vi ấy. Nước chảy mãi sẽ thành khe ngòi, đó là “*tư tận hoàn nguyên*”, chẳng cần chờ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà là ngay trong hiện tiền. Chúng ta còn chưa vãng sanh, chưa ra đi, mà ngay trong thân thể hiện tại đã là vô lượng thọ, vô lượng quang. Vì sao? Tâm địa thanh tịnh chính là vô lượng quang minh, vô lượng thanh tịnh bèn vô lượng quang minh. Công phu thành phiền thược phẩm bèn sanh tử tự tại, sanh tử tự tại sẽ chẳng có sanh tử, chẳng có sanh tử là vô lượng thọ! Vì lẽ đó, vô lượng thọ, vô lượng quang chẳng cần đợi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà có thể chứng đắc trong hiện tiền. Đây thật sự là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn!

Nhị hiển đức.

二，顯德。

(Hai, hiển đức).

Giải thích ý nghĩa của danh hiệu A Di Đà.

Sơ, danh hàm đa nghĩa. Nhị, đạo thành viên kiếp.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà.

(Sớ) Vô lượng dĩ như tiền thích.

初，名含多義。二，道成遠劫。

(經)舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。
是故號為阿彌陀。

(疏)無量已如前釋。

([Phần này gồm có hai tiểu mục]. Một là danh hiệu bao hàm nhiều ý nghĩa; hai là Phật đã thành đạo từ nhiều kiếp lâu xa.

Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi nước chẳng bị chướng ngại. Vì thế, hiệu là A Di Đà.

Sớ: Chữ “vô lượng” như trong các phần trước đã giải thích).

Trong phần trước đã giải thích ý nghĩa chữ “vô lượng”.

(Sớ) **Nhiên vị tri vô lượng đắc danh chi cố.**

(疏)然未知無量得名之故。

(Sớ: Nhưng chẳng biết nguyên nhân vì sao được gọi là vô lượng).

Đức Phật ấy vì sao phải dùng chữ Vô Lượng trong danh hiệu?

(Sớ) **Kim vị thị quang minh, thọ mạng, nhị giai vô lượng dã.**

(疏)今謂是光明壽命，二皆無量也。

(Sớ: Nay nói là do hai thứ quang minh và thọ mạng đều vô lượng).

Danh hiệu A Di Đà Phật là phiên âm tiếng Phạn. A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. A Di Đà Phật, hoàn toàn dịch theo ý nghĩa sẽ là Vô Lượng Giác. Nhưng ý nghĩa của chữ Vô Lượng chẳng có cách nào nói trọn hết, nếu có thể nói trọn hết thì làm sao gọi là vô lượng cho được? Nói chẳng trọn hết! Bất luận là chuyện gì, quý vị nghĩ đến cũng thế, hay chẳng nghĩ đến cũng thế, đều là vô lượng. Thích Ca Mâu Ni Phật quy nạp ý nghĩa vô lượng thành hai loại lớn: Một loại là vô lượng thọ, loại kia là vô lượng quang. Thọ biểu thị phước, Quang biểu thị trí huệ, [hàm nghĩa] phước đức và trí huệ của đức Phật thấy đều là vô lượng vô biên. Nói theo cách hiện thời, Quang biểu thị không gian, chiếu khắp mười phương. Thọ mạng là quá khứ, hiện tại, vị lai, theo chiều dọc cùng tột ba đời. Toàn thể vũ trụ, toàn thể pháp giới là một danh hiệu này, danh hiệu này bao quát toàn bộ. Quý vị hãy suy nghĩ, có thứ gì có thể vượt thoát thời gian và không gian? Danh hiệu ấy chẳng thể nghĩ bàn! Tựa đề kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm cũng hết sức viên mãn tột bậc, nhưng một câu A Di Đà Phật

đã bao gồm trọn vẹn. Trong vô lượng nghĩa, quan trọng nhất là thọ mạng. Nếu chẳng có thọ mạng, bất cứ loại vô lượng nào cũng đều rỗng tuếch, lấy ai để hưởng thụ? Chẳng có cách nào hưởng thụ. Vì thế, trong hết thảy các thứ vô lượng, thọ mạng là chủ yếu. Quý vị có thọ mạng thì đối với hết thảy vô lượng mới có sự thọ dụng chân thật, mới có thể hưởng thụ. Nếu chẳng có thọ mạng, vô lượng gì gì đi nữa đối với quý vị chẳng có liên quan, vô dụng! Chúng ta xưng tụng A Di Đà Phật là Vô Lượng Thọ Phật, tức là lấy một ý nghĩa chủ yếu trong vô lượng nghĩa. Trong kinh này, trước hết là nói tới vô lượng quang, đặt ý nghĩa chủ yếu nhất ra phía sau, đó là tác phong thuyết pháp quen thuộc của đức Phật. Thứ tốt nhất, thù thắng nhất đều đặt ra sau dùng làm màn biểu diễn kết thúc. Quang minh và trí huệ đều tuyệt diệu!

(Sớ) Quang minh giả hữu nhị, nhất giả trí quang, nhị giả thân quang. Phục hữu nhị nghĩa, nhất giả thường quang, nhị giả phóng quang. Hựu quang sở nhân, phục hữu nhị nghĩa, nhất thị vạn đức sở thành, nhất thị bốn nguyện sở trí.

(Sao) Tiên thích quang minh dã.

(疏)光明者有二，一者智光，二者身光；復有二義，一者常光，二者放光；又光所因，復有二義，一是萬德所成，一是本願所致。

(鈔)先釋光明也。

(Sớ: Quang minh có hai thứ, một là trí quang, hai là thân quang. Lại có hai nghĩa, một là thường quang, hai là phóng quang. Nói đến cái nhân của quang minh thì lại có hai nghĩa, một là do muôn đức tạo thành, hai là do bốn nguyện tạo nên như vậy.

Sao: Trước hết, giải thích về quang minh).

Trong Vô Lượng, đức Phật nói hai ý nghĩa là Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Trước hết, hãy giải thích về quang minh.

(Sao) Trí quang, thân quang giả, như Lô Xá Na, thử vân Quang Minh Biến Chiếu. Tự Thọ Dụng thân, chiếu chân pháp giới, thị danh trí quang.

(鈔)智光身光者，如盧舍那，此云光明遍照。自受用身，照真法界，是名智光。

(*Sao: Trí quang và thân quang: Như Lô Xá Na, cõi này dịch là “quang minh chiếu trọn khắp”. Tự Thọ Dụng Thân, chiếu chân pháp giới, nên gọi là trí quang.*)

Kinh Hoa Nghiêm nói Phật có ba thân:

Thứ nhất là Pháp Thân, tiếng Phạn là Tỳ Lô Giá Na, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp hết thảy mọi nơi). Trọn khắp hết thảy mọi nơi là Lý, trong Triết Học, [Lý ấy] được gọi là “*bản thể của vạn hữu trong vũ trụ*”. Trong Phật pháp không nói là bản thể, mà nói là Pháp Thân. Triết học gọi Pháp Thân là bản thể. Bản thể trọn khắp hết thảy mọi nơi. Vì hết thảy mọi nơi đều do một Thể biến hiện, nên gọi là bản thể. Giống như chúng ta nằm mơ, trong mộng có khá nhiều cảnh giới, mộng từ đâu mà có? Mộng sanh từ tâm. Tâm là bản thể của mộng. Chẳng có tâm, chắc chắn sẽ chẳng có mộng. Trong khi quý vị đang nằm mộng, toàn thể mộng chính là tâm, toàn thể tâm chính là mộng. Toàn thể mộng cảnh là tâm của quý vị, tâm hiện tượng. Tất cả hết thảy cảnh giới trong mộng, người quý vị ưa thích, kẻ quý vị chán ghét, toàn là do một tâm biến hiện. Do quý vị có kẻ đáng ghét, có kẻ đáng ưa, đó là do quý vị mê tự tâm, nên mới có những tướng biến hiện ấy. Nếu quý vị giác chứ không mê, sẽ chẳng có những tướng ấy biến hiện.

Không mê, nhất định là quý vị sẽ thấy tất cả cảnh giới bình đẳng, tất cả cảnh giới đều thanh tịnh. Chính mình rốt cuộc là giác hay mê, cần nhắc từ góc độ này, sẽ thấy rất dễ dàng! Công phu tu hành của ta có tiến bộ hay không? Nếu có tiến bộ, ta phân biệt, chấp trước mỗi năm một nhẹ hơn, mỗi năm một nhạt mỏng hơn, cũng là tâm địa mỗi năm một thanh tịnh hơn, mỗi năm một bình đẳng hơn. Đó là có tiến bộ, là hiện tượng rất tốt! Tuy rất dụng công tu hành, nhưng phân biệt, chấp trước vẫn nặng nề ngàn ấy, người mà ta ưa thích vẫn rất đáng ưa thích, kẻ ta chán ghét vẫn rất đáng ghét, tức là chẳng có tiến bộ. Tuy hằng ngày niệm Phật, chẳng có tiến bộ. Giác thì mới là tiến bộ, mê là chẳng tiến bộ. Chẳng tiến bộ, dầu dụng công nhiều đến mấy, nói thật thà đều là uổng công, vô dụng, nhiều nhất là tu được một chút phước báo trong đời sau mà thôi! Đó là si phước trong lục đạo, chẳng phải là trí huệ thật sự. Xem nhạt hết thảy nhân sự, không chỉ Phật pháp là như thế, giáo học Nho gia cũng là “*quân tử chi giao đạm như thủy*” (người quân tử giao tiếp với nhau nhạt như nước lã), như nước là rất bình thường. Mỗi giao tình ấy mới có thể lâu dài, mới có thể không thay đổi; đây đều là nguyên lý và nguyên tắc xử sự, đấng người, tiếp vật do cổ thánh tiên hiền đã dạy.

Pháp Thân: Quý vị đích thân suy xét, thấu hiểu đến cùng cực, hoát nhiên khai ngộ: Tận hư không khắp pháp giới do tự tâm của ta biến hiện, ta ở nơi đâu? Tận hư không khắp pháp giới, chẳng có pháp nào chẳng phải là ta, ta là toàn thể hư không pháp giới, phá sạch Ngã Chấp, chẳng còn nữa! Ngã Chấp là chấp trước “thân này là ta, ngoài cái thân này ra đều chẳng phải là ta”. Kẻ ấy chẳng hiểu tận hư không khắp pháp giới vốn là ta. Có Ngã hay không? Có! Có chân ngã. Chân ngã là Pháp Thân, chẳng có gì không phải [là Pháp Thân]. Hết thấy hữu tình chúng sanh là ta, mà hết thấy vô tình chúng sanh cũng là ta, đó là triệt để giác ngộ, chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân. Chứng đắc cảnh giới này, chư vị hãy nghĩ xem, quý vị còn có sanh tử hay chẳng? Quyết định là chẳng có sanh tử. Hiện tượng sanh tử là gì? Là do ta dấy lên sự biến hóa trong ấy. Quyết định là chẳng có sanh tử, mà cũng chẳng có luân hồi, cũng chẳng có lục đạo, cũng chẳng có mười pháp giới; khi ấy, gọi là gì? Là Nhất Chân pháp giới. Do mê nên mới có mười pháp giới, mới có lục đạo luân hồi; hễ giác ngộ, sẽ chẳng còn nữa!

Kẻ đó là Báo Thân, tiếng Phạn là Lô Xá Na, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quang Minh Biến Chiếu (quang minh chiếu khắp nơi). Chư vị nghĩ xem, làm thế nào để thấu hiểu tận hư không khắp pháp giới là chính mình, điều này phải cậy vào trí huệ. Chúng ta đang nằm mộng, hể tỉnh giấc: “Ta mới vừa nằm mộng; tất cả những thứ trong mộng đều do tự tâm của ta biến hiện”. Đó là có trí huệ, người ấy đã hiểu. Nay đức Phật dạy chúng ta, chúng ta phải lãnh hội, suy xét theo phương hướng ấy, tận hư không khắp pháp giới xác thực là chính mình, là một chính thể. Trong chính thể ấy, quả thật là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, đó là thật, là chân tướng sự thật. Vì sao có chướng ngại? Chướng ngại là vì phân biệt, chấp trước hư vọng đối với hết thấy chúng sanh. Do mê nên mới có chướng ngại; hể ngộ, sẽ chẳng có chướng ngại. Mê thì chỗ nào cũng thành chướng, đối với người ngộ là Sự Sự vô ngại. Hể ngộ, sẽ biết tận hư không khắp pháp giới là một với chính mình. Do đã mê, nên mới có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng, người ấy chẳng biết có bao nhiêu tướng! Ở trong ấy, khởi vô lượng phân biệt, vô lượng chấp trước trong ấy, [cho nên có] vô lượng phiền não, vô lượng đau khổ, vô lượng nghiệp báo, tạo tác những thứ ấy, rất đáng thương! Lay gọi cách nào vẫn chẳng tỉnh, người ấy đã mê quá sâu! Vì thế, nhất định phải cầu trí huệ. Pháp Thân là Thể, Báo Thân là Huệ. Giáo học Phật pháp lấy trí huệ làm mục tiêu, từ đầu tới cuối đều phải khai trí huệ. Tông chỉ của Phật pháp là Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác; sở cầu trong Phật pháp là cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là trí huệ viên mãn.

(Diễn) Tự Thọ Dụng Thân chiếu chân pháp giới giả, nãi vô tướng chi thân.

(演) 自受用身照真法界者，乃無相之身。

(Diễn: Tự Thọ Dụng Thân chiếu chân pháp giới, chính là thân vô tướng).

Báo Thân có phải là thân của chúng ta hay không? Chẳng phải! Báo Thân là trí huệ. Vì vậy, Báo Thân là Trí Thân. Kinh Hoa Nghiêm nói Phật có mười thân², mười loại thân ấy là do ba thân mở rộng ra, mười thân quy nạp thành ba thân. Ba thân và mười thân chẳng hai, chẳng khác, bất tăng, bất giảm. Mười thân chẳng nhiều, ba thân chẳng ít, tách ra hay hợp lại khác nhau. Đó là thân vô tướng.

(Diễn) Dĩ công đức trí huệ vi Thể, cố chiếu Nhất Chân pháp giới.

(演) 以功德智慧為體，故照一真法界。

(Diễn: Dùng công đức và trí huệ làm Thể, nên chiếu Nhất Chân pháp giới).

Nay chúng ta cầu trí huệ, tu công đức, tu gì vậy? Tu Báo Thân của chính mình. Trong kinh thường nói đến Pháp Thân huệ mạng, Pháp Thân là tu Tỳ Lô Giá Na của chính mình, Huệ Mạng là tu Lô Xá Na của chính mình. Tỳ Lô Giá Na và Lô Xá Na đều là chính mình, đều chẳng phải là người ngoài. Vì sao phải cầu Huệ? Vì sao phải tu tập, tích lũy công đức? Nhằm trưởng dưỡng Báo Thân của chính mình; nhưng đối với Báo Thân, quý vị chỉ cần tu một phần bèn có một phần tác dụng, tu hai phần bèn có hai phần tác dụng. Quý vị quan sát vũ trụ và nhân sinh, mỗi ngày sẽ hiểu khác nhau, mỗi năm một khác nhau. Phật môn nói là cảnh giới khác nhau, cảnh giới của quý vị dần dần tăng cao hơn, cảnh giới tăng cao hơn chính là trưởng dưỡng Báo Thân của quý vị, có thể vun bồi Báo Thân tốt đẹp.

Phật là Ứng Hóa Thân, chúng ta là Nghiệp Báo Thân, tức là do tạo nghiệp bèn đến chịu báo. Làm thế nào để chuyển biến Nghiệp Báo Thân thành Ứng Hóa Thân? Phật pháp dạy chúng ta điều này. Trừ Phật pháp ra,

² Mười thân của Như Lai là Bồ Đề thân, nguyện thân, hóa thân, trụ trì thân, tướng hảo trang nghiêm thân, thể lực thân, như ý thân, phước đức thân, trí thân và pháp thân.

pháp thể gian chẳng có đạo lý này! Đây chính là “*thân nghĩa lý*” (nghĩa lý chi thân) như thiền sư Vân Cốc đã nói trong Liễu Phàm Tứ Huán, chuyển đổi! Thân phàm nhân đều có vận mạng, nhưng Nghĩa Lý Thân có thể “*cách thiên*” (格天: cảm thông với trời)³, đương nhiên là có thể sửa đổi vận mạng, có thể vượt ngoài vận mạng. Sư nói cách ấy vẫn còn nông cạn, ở đây nói sâu hơn, nói đến mức rốt ráo, nói triệt để. Bản thân chúng ta phải biết tu Báo Thân của chính mình, tu Pháp Thân của chính mình, chẳng cần chuyển thân này, nó sẽ tự nhiên biến thành Ứng Hóa Thân, giống hệt như chư Phật Như Lai. Thị hiện khác nhau trong thế gian này, chính mình có thể làm chủ, chính mình rất tự tại. Đó là “*công đức trí huệ vi Thể, cố chiếu Nhất Chân pháp giới*” (công đức và trí huệ làm Thể, nên chiếu Nhất Chân pháp giới), tự thọ dụng!

(Sao) Tha Thọ Dụng thân, biến chiếu đại chúng, thị danh thân quang.

(Diễn) Tha Thọ Dụng thân biến chiếu đại chúng giả, nãi hữu tướng chi thân, dĩ sắc tâm vi Thể, vi Thập Địa Bồ Tát hiện khởi, cố biến chiếu đại chúng. Thử ước thân trí phân thích.

(鈔)他受用身，遍照大眾，是名身光。

(演)他受用身遍照大眾者，乃有相之身。以色心為體，為十地菩薩現起，故遍照大眾。此約身智分釋。

(Sao: Tha Thọ Dụng Thân: Chiếu khắp đại chúng, được gọi là Thân Quang.

Diễn: Tha Thọ Dụng Thân chiếu khắp đại chúng, chính là thân hữu tướng. [Thân ấy] lấy sắc và tâm làm Thể, do Thập Địa Bồ Tát hiện khởi, nên chiếu trọn khắp đại chúng. Đây là tách rời Thân và Trí để giải thích).

Tự Thọ Dụng vô hình, vô tướng, là trí huệ. Tha Thọ Dụng có thân tướng và sắc tướng, nhằm giúp cho người khác giác ngộ. Sau khi chư Phật Như Lai thành Phật, đức Phật có thân hình hay không? Phật chẳng có, chư vị phải biết điều này. Người thành tựu tam-muội chẳng có thân, vì thân người ấy có thể biến hóa. Do có thể tùy ý biến hóa, quý vị chẳng thể nói

³ “*Cách thiên*” (Cảm thông với trời) là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói trong thiên Quân Thích của sách Thượng Thư: “*Tại tích Thành Thang ký thọ mạng, thời tác hữu nhược Y Doãn, cách ư hoàng thiên*” (Khi xưa, Thành Thang đã nhận mạng [lên ngôi thiên tử], lúc đó, bèn có những người như Y Doãn có thể cảm thông với trời cao). Đôi khi còn nói là “*cách thiên triệt địa*” (thấu trời thông đất).

người ấy là nam, nữ, già, trẻ, chẳng thể nói được! Rốt cuộc Quán Âm Bồ Tát là nam hay nữ? Chẳng có cách nào nói được, vì Ngài có thể tùy ý biến hóa, muốn biến thân gì liền biến thành thân ấy, thân tự tại. Nay chúng ta chẳng được tự tại, nên chẳng thể biến.

Nói nghiêm ngặt, kiến tánh Bồ Tát cũng tức là từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên, đã chứng đắc Báo Thân, [đối với] người niệm Phật là đã niệm đạt đến Lý nhất tâm bất loạn; lúc đó, năng lực của quý vị sẽ giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: Quán Âm Bồ Tát có ba mươi hai Ứng Thân, đáng nên dùng thân gì để độ liền hiện thân có hình dạng ấy. Hiện thân tự tại, thọ mạng tự tại, trí huệ tự tại, phước báo tự tại, chẳng có gì không tự tại! Đây mới gọi là viên mãn đến tột cùng, thứ gì cũng đều tự tại. Quả báo thù thắng như vậy là do tu thành. Tuy là Tánh Đức, nhưng nếu Tánh Đức chẳng có Tu Đức, Tánh Đức chẳng thể hiển lộ, nhất định là phải có Tu Đức. Tu gì vậy? Chẳng phải là tu bên ngoài, mà là tu tự tánh của chính mình, câu này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác: Tu tự tánh ở bên trong. Tự tánh ở bên trong là gì? [Chính là như] tựa đề kinh Vô Lượng Thọ [đã nói] “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, tu những điều này. Vì thế, hiện thân này bèn chiếu khắp đại chúng.

Do vậy có thể biết: Chư Phật, Bồ Tát tùy loại hiện thân, thân ấy là tác dụng gì? Thân các Ngài là Tha Thọ Dụng, Tự Thọ Dụng chẳng cần thân! Lại thừa cùng chư vị, vì Tự Thọ Dụng chẳng cần thân, nên các Ngài chẳng có bệnh khô, mà cũng chẳng già! Có thân thì mới có bệnh, mới có già, chết. Thân chẳng có, lấy đâu ra già, chết? Lấy đâu ra bệnh? Thứ gì cũng đều chẳng có. Phạm phu bậc cao trong thế gian này là chư thiên trong Vô Sắc Giới, họ chẳng thoát tam giới, họ thấy hễ có thân bèn có phiền phức, nên cũng chẳng cần thân. Lão Tử cũng nói: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*”, [ý nói] ta có nỗi lo lắng rất lớn, vì ta có thân thể này. Ta chẳng có thân thể sẽ tốt lắm, tự tại lắm! Vì thế, thân này phiền toái rất lớn, là gánh nặng rất lớn!

Đối với Tự Thọ Dụng, chư Phật, Bồ Tát chẳng có thân, chẳng có khái niệm ấy, thân là gì? Thân là để cho người khác thọ dụng, chẳng liên can đến chính mình! Nếu chư vị chuyển biến ý niệm, ngay lập tức thân hiện tại sẽ từ Nghiệp Báo Thân chuyển thành Ứng Hóa Thân của Phật, Bồ Tát, tùy thuộc quý vị có thể chuyển hay không? Hễ chuyển biến, thân ta là công cụ nhằm hóa độ hết thảy chúng sanh, giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Thân này có thoải mái hay không, chẳng liên can đến ta, về căn bản ta chẳng có thứ này. Nó là một công cụ giúp chúng sanh thành Phật, thoát ly luân hồi, viên thành Phật đạo mà thôi.

Hễ chuyên được quan niệm này, thân thể, thọ mạng, và phước đức của quý vị, toàn bộ đều chẳng liên can đến quý vị. Do đó, nhất định phải biết chuyên, cần gì phải chấp trước cứng ngắc thân thể này? Vì sao không đem thân này dâng hiến, tặng cho hết thảy chúng sanh? Trên là cúng dường hết thảy chư Phật, dưới là bố thí hết thảy chúng sanh, thân này chẳng còn nữa. Thân chẳng còn, những bệnh tật phải mang trên thân cũng chẳng có, khổ cũng chẳng có, phiền não cũng chẳng có, ưu lự cũng chẳng có, toàn bộ đều chẳng có, quý vị thấy tự tại lắm! Học Phật phải học từ chỗ này! Đó gọi là “*chiếu khắp đại chúng*”.

(Sao) Hựu Niết Bàn vân: “Luu Ly Quang Bồ Tát, phóng thân quang minh. Văn Thù ngôn: Quang minh giả, danh vi trí huệ, tức Sự Lý viên dung, thân trí bất nhị dã”.

(鈔)又涅槃云：琉璃光菩薩，放身光明。文殊言：光明者，名為智慧，則事理圓融，身智不二也。

(Sao: Kinh Niết Bàn lại nói: “Luu Ly Quang Bồ Tát phóng quang minh từ nơi thân. Ngài Văn Thù nói: Quang minh có tên là trí huệ, tức là Sự Lý viên dung, thân và trí chẳng hai”).

Phàm quang minh chiếu đến đâu, nơi nơi đều sáng bừng, mọi vật được chiếu sáng, chẳng có thứ gì không sáng. Tận hư không khắp pháp giới là Báo Thân của chính mình, đó là Tự Thọ Dụng Báo Thân, tự và tha chẳng hai, đó chính là “*thân và trí chẳng hai*”.

(Diễn) Quang minh danh vi trí huệ giả, nhược thân quang bất thị trí huệ, tức đồng, thổ, thạch, mộc ngẫu vô tình. Nhược trí huệ bất tức thân quang, tức trí huệ hữu sở bất biến. Cố thân quang chi Sự, tức trí huệ chi Lý, viên dung bất nhị dã. Thử ước thân trí hợp thích.

(演)光明名為智慧者，若身光不是智慧，則同土石木偶無情；若智慧不即身光，則智慧有所不遍。故身光之事，即智慧之理，圓融不二也。此約身智合釋。

(Diễn: “Quang minh gọi là trí huệ”: Nếu thân quang chẳng phải là trí huệ, ắt sẽ giống như đất, đá, tượng gỗ vô tình. Nếu trí huệ chẳng phải là thân quang, ắt trí huệ có chỗ chẳng trọn khắp. Vì thế, Sự nơi thân quang chính là Lý nơi trí huệ, viên dung, chẳng hai. Đây là gộp chung Thân và Trí để giải thích).

Trong đoạn trước, tách rời thân và quang để nói, đoạn này là nói gộp lại. Nói gộp lại thì chúng là một, chẳng hai. Chúng ta ngày càng thấu hiểu sự tướng này. Nay chúng ta hiểu về mặt Lý, vẫn tu học nghiêm túc nơi mặt Sự, đó là Bồ Tát Ma Ha Tát, từ phàm trở thành thánh. Chúng ta là phàm phu đến trong thế gian này, nay lặn thân một cái để biến đổi, liền biến thành Phật, Bồ Tát, biến thành thánh nhân. Tâm tâm khế nhập đạo lý này, khiến cho đạo lý này được vận dụng viên mãn trong cuộc sống thực tế. Tất cả hết thấy cảnh duyên, cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự, chẳng có gì không thanh tịnh, chẳng có gì bất bình đẳng, thuận cảnh cũng thế mà nghịch cảnh cũng vậy, thuận tâm cũng thế, mà nghịch tâm cũng thế, thấy đều là thanh tịnh, bình đẳng, vì sao? Được trí huệ quang minh chiếu soi. Biết hết thấy cảnh giới toàn là do tự tánh biến hiện, trong các cảnh giới đã hiện, trong vô lượng vô biên mối quan hệ giữa con người với nhau, có giác và mê. Hiện thời, quý vị đã thoát ra. Thoát ra bèn là người xem diễn tuồng, chẳng phải là người diễn tuồng. Chưa thoát ra thì hãy còn đang trình diễn trên sân khấu. Nay ta tích cực thoát ra, thoát ra để xem diễn tuồng. Phật, Bồ Tát là người xem diễn tuồng, lục đạo luân hồi là diễn tuồng. Người diễn tuồng mê muội, người xem diễn tuồng chẳng mê. Kẻ diễn tuồng ngỡ tuồng giả là thật, đang mê. Người xem diễn tuồng hiểu rành mạch, rõ ràng!

Quan sát các hữu tình chúng sanh, thấy ai có thể giác ngộ bèn giúp đỡ người ấy, chỉ điểm cảnh tỉnh người ấy, đó là hóa độ. Kẻ chưa thể giác ngộ, chỉ điểm chẳng tỉnh thì cũng kết thiện duyên với kẻ đó. Kết thiện duyên là tạo cho người ấy chủng tử, chờ khi cơ duyên chín muồi. Cơ duyên ấy không nhất định chín muồi trong một đời này, có lẽ là đời sau, hoặc đời sau nữa, có lẽ là vô lượng kiếp sau. Đối với chúng ta thì thấy rất dài, nhưng đối với Phật, Bồ Tát thì là “niệm và kiếp viên dung”. Nay chúng ta cảm thấy thời gian có dài hay ngắn là do chúng ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thật ra, nói thật với quý vị: Chẳng có thời gian, mà cũng chẳng có không gian; thời gian và không gian đều là giả.

Niệm niệm trí huệ quang minh chiếu khắp pháp giới, pháp giới và chính mình là một Thể, đó là “*viên dung bất nhị*”. Không chỉ là Lý nơi Trí, mà cũng là Lý nơi Sự. Nhập cảnh giới ấy, bèn gọi là chứng đắc Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm, dùng phương pháp gì để chứng đắc? Nhất tâm. Nhất Tâm là năng chứng (cái có thể chứng), Nhất Chân là sở chứng (cái được chứng), Năng và Sở bất nhị. Vì thế, kinh Di Đà chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm, tu hành kinh Di Đà có kết quả là Nhất Chân pháp giới trong kinh Hoa Nghiêm. Cổ

nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, gọi kinh A Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm rất hợp lý, có căn cứ, chẳng phải là nói năng tùy tiện, bừa bãi!

Trong lời kết luận, [Liên Trì đại sư nói] “*Lý Sự viên dung, thân trí bất nhị*”. Đó là nói về trí quang và thân quang, tức là hai ý nghĩa trước của quang minh. Sau đó, lại nói hai thứ là thường quang và phóng quang trong đoạn tiếp theo.

Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây!